TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 9 - 2023
V/v : Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Nguyễn Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2023 về "*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Đinh Thị X, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: ông Lê Văn B, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2023 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Đinh Thị X trình bày: bà và ông Lê Văn B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 tại thôn A xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi về ở với nhau bà và ông B đã tổ chức đám cưới, việc chung sống cùng nhau

được cả hai bên gia đình chấp thuận và mọi người chứng kiến. Nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên bà và ông B không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên do không cùng quan điểm sống nên từ năm 2009 đến nay bà và ông B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và Lê Văn B.

Về con chung: quá trình chung sống bà và ông Lê Văn B đã có 04 con chung là Lê Thị N, sinh ngày 09/01/1990, Lê Thị L, sinh ngày 08/10/1991, Lê Thị P, sinh ngày 23/8/1993 và Lê Văn Q sinh ngày 19/4/1998. Hiện nay các con bà đều đã trưởng thành, không bị hạn chế về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà và ông Lê Văn B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: bà Đinh Thị X xin chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại Đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn ông Lê Văn B trình bày: về thời gian, địa điểm ông và bà Đinh Thị X chung sống với nhau như vợ chồng, bà X trình bày là đúng. Trước khi về ở với nhau ông và bà X đã tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn, việc chung sống với nhau được cả hai bên gia đình chấp thuận và mọi người chứng kiến. Tuy nhiên do bất đồng quan điểm sống nên từ năm 2009 đến nay ông và bà X thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã.

Về con chung: ông và bà Đinh Thị X có 04 con chung là Lê Thị N, sinh ngày 09/01/1990, Lê Thị L, sinh ngày 08/10/1991, Lê Thị P, sinh ngày 23/8/1993 và Lê Văn Q sinh ngày 19/4/1998. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ông và bà Đinh Thị X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: bà Đinh Thị X phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của bà Đinh Thị X và ông Lê Văn B, được biết: bà Đinh Thị X và ông Lê Văn B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 và sinh sống tại thôn A xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi về ở với nhau bà X và ông B đã tổ chức đám cưới, việc chung sống cùng nhau được cả hai bên gia đình chấp thuận và mọi người chứng kiến. Nhưng

bà Đinh Thị X và ông Lê Văn B không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị X và ông Lê Văn B. Về con chung, do các con chung của bà X và ông B đã thành niên (đủ 18 tuổi), có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết; về chia tài sản chung, nợ chung, do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Đinh Thị X và ông Lê Văn B chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là "*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*". Bị đơn ông Lê Văn B cư trú tại thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Do đó, theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hà. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đinh Thị X và ông Lê Văn B theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Đinh Thị X và ông Lê Văn B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1989 đến nay, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông B là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, từ năm 2009 đến nay, bà Đinh Thị X và ông Lê Văn B đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân do bất đồng

quan điểm sống. Bà X và ông B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và Lê Văn B là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Đinh Thị X và ông Lê Văn B đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm giữa hai bên không còn, đời sống chung không thể tiếp tục. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Đinh Thị X và ông Lê Văn B là vợ chồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp.

[3] Về con chung: bà Đinh Thị X và ông Lê Văn B cùng xác nhận có 04 con chung là Lê Thị N, sinh ngày 09/01/1990, Lê Thị L, sinh ngày 08/10/1991, Lê Thị P, sinh ngày 23/8/1993 và Lê Văn Q sinh ngày 19/4/1998. Hiện nay cả 04 con chung của ông, bà đều đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động. Ông Bảy và bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Đinh Thị X và ông Lê Văn B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn bà Đinh Thị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị X và ông Lê Văn B.

2. Về con chung: bà Đinh Thị X và ông Lê Văn B có 04 con chung là Lê Thị N, sinh ngày 09/01/1990, Lê Thị L, sinh ngày 08/10/1991, Lê Thị P, sinh ngày 23/8/1993 và Lê Văn Q sinh ngày 19/4/1998. Cả 04 (bốn) con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi), có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Đinh Thị X và ông Lê Văn B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: bà Đinh Thị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0013671 ngày 21/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hà (bà Đinh Thị X đã nộp đủ).

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Hải Hà;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Chi cục THADS huyện Hải Hà;*
- *Lưu VP; hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vương Thị Thanh